TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2024/DS-ST
Ngày: 23-5-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Văn Ẩn**
2. Ông **Vũ Huy Hoàng**

Thư ký phiên tòa:

Tại điểm cầu trung tâm: Ông **Nguyễn Xuân Thành -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại điểm cầu thành phần: Ông **Lê Hoàng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-DS ngày 08/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo hình thức trực tuyến, điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh – số 4 đường số 3, khu trung tâm hành chính Huyện, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2024/QĐXXST-DS ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Lê Thanh N**, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.- *Người đại diện theo ủy quyền của*

nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà **Phạm Kim Lo**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: xã VLA, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1972. Địa chỉ: xã VLA, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bà **Lê Thị L**, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2023, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 01/3/2024, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Lê Thanh N có bà Lê Thị L đại diện hợp pháp trình bày:

Do là chỗ quen biết nhau nên cuối tháng 01/2022, bà N có cho bà Phạm Kim Lo vay số tiền 417.000.000 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu đồng) không lãi suất, thời hạn thanh toán đến hết ngày 30/05/2022. Vì quen biết nên lúc đó bà N không lập hợp đồng vay. Đến hạn thanh toán, bà N đã đòi bà Lo nhiều lần nhưng bà Lo vẫn không trả, bà Lo cố tình né tránh.

Ngày 29/5/2023, bà Lo có gọi bà N đến nhà để trả tiền, tại đây bà Lo cũng không có tiền để trả cho bà N như đã hứa, bà Lo xin bà N gia hạn thời hạn thanh toán số tiền nợ nên giữa bà N và bà Lo lập giấy gia hạn trả tiền để gia hạn thêm cho bà Lo đến hết ngày 09/6/2023. Tuy nhiên cho đến nay đã hết thời hạn gia hạn trả tiền nhưng bà Lo vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình đối với bà N. Chồng bà Lo (ông Nguyễn Văn T) có biết việc bà Lo vay tiền của bà N, đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà Lo. Do đó, nay bà L đại diện cho bà N yêu cầu Tòa buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Kim Lo cùng có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Lê Thanh N số tiền vay 417.000.000 (Bốn trăm mười bảy triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Kim Lo trình bày:

Do trước đây, bà và mẹ của bà Phạm Lê Thanh N là bà Lê Thị L có hùn hạp góp vốn làm ăn, mua bán bất động sản. Sau đó, bà L không tiếp tục làm ăn

chung với bà nữa. bà L đề nghị rút vốn và yêu cầu bà phải đưa lại số tiền 1.800.000.000 (Một tỷ tám trăm triệu) đồng. Do bà xoay tiền chưa kịp nên bà có đưa cho bà L số tiền trên trễ hạn. Việc bà đưa tiền trễ hạn làm cho con bà L (bà N) chậm tiến độ đi du học. Sau đó, bà L yêu cầu bà phải bồi thường 804.000.000 (Tám trăm lẻ bốn triệu) đồng. Bà đã bồi thường cho bà L 385.000.000 (Ba trăm tám mươi lăm triệu) đồng. Đồng thời bà L bắt buộc bà phải viết giấy nợ với nội dung bà có vay của bà Phạm Lê Thanh N số tiền 417.000.000 (Bốn trăm mười bảy triệu) đồng, vay không lãi suất, thời hạn thanh toán ngày 29/5/2023, đến hạn bà chưa có tiền trả, bà N gia hạn cho bà đến ngày 09/6/2023 để trả số tiền trên. Nay bà N yêu cầu bà trả số nợ 417.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì thật sự bà không có vay tiền của bà N, do mẹ của bà N (bà L) ép bà viết giấy nợ này là để bồi thường tiền học bổng do đi du học trễ mà thực tế bà đã bồi thường 385.000.000 (Ba trăm tám mươi lăm triệu) đồng cho gia đình bà L rồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông là chồng của bà Phạm Kim Lo. Ông có ý kiến trình bày giống như vợ ông (bà Lo) trình bày trong bản tự khai ngày 12/01/2024. Nay bà N yêu cầu vợ ông trả số tiền vay 417.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Vì bà N ép vợ ông ký giấy nợ chứ thực chất không có việc vay tiền.

Ông hoàn toàn không có liên quan gì đến giấy nợ giữa bà Lo với bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:

Bà là mẹ của bà Phạm Lê Thanh N. Bị đơn bà Phạm Kim Lo cho rằng bà ép bà Lo viết giấy nợ với bà N (con bà) vay số tiền 417.000.000 (Bốn trăm mười bảy triệu) đồng là hoàn toàn không đúng sự thật, bà không có ép bà Lo viết giấy nợ trên. bà Lo là người có học vấn cao, có đủ khả năng nhận thức mọi vấn đề trong khi đó bà là người có học vấn thấp thì làm sao bà ép bà Lo viết giấy nợ được. Do đó, bà hoàn toàn không đồng ý với ý kiến của bà Lo nói bà ép bà Lo viết giấy nợ với bà N để vay bà N số tiền 417.000.000 (Bốn trăm mười bảy triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Lê Thanh N khởi kiện hợp đồng vay tài sản yêu cầu bà Phạm Kim Lo trả tiền, bà Lo có nơi

cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ Giấy gia hạn trả tiền lập ngày 29/5/2023, có chữ ký của bà Phạm Kim Lo có cơ sở xác định giữa bà Phạm Lê Thanh N và bà Phạm Kim Lo có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau, bà Lo vay của bà N số tiền 417.000.000 (Bốn trăm mười bảy triệu) đồng, đến hạn thanh toán là ngày 30/5/2022 nhưng bà Lo vẫn không thanh toán được, bà Lo xác nhận còn nợ bà N số tiền 417.000.000 (Bốn trăm mười bảy triệu) đồng, bà Lo xin bà N gia hạn cho bà Lo thêm 10 ngày từ ngày 29/5/2023 đến ngày 09/6/2023 để trả số tiền trên.

[4] Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

[5] Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Xét thấy khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Đến hạn, bà Lo vẫn không trả nợ cho bà N mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu bà Lo trả số tiền trên, như vậy, bà Lo đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó nay bà N yêu cầu bà Lo và ông Thà trả số tiền vay 417.000.000 (Bốn trăm mười bảy triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bị đơn bà Phạm Kim Lo cho rằng bà không có vay số tiền 417.000.000 (Bốn trăm mười bảy triệu) đồng của bà N. Số tiền này do mẹ của bà N là bà Lê Thị L ép bà ký giấy nợ để bồi thường về việc bà làm cho bà N trễ hạn đi du học.

Tuy nhiên, bà Lo không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định:

"Khoản 1: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Khoản 4: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Do đó lời khai nêu trên của bà Lo là không có cơ sở và căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] bà N xác định số tiền cho vay là tài sản riêng của bà, hiện tại bà sống độc thân. Ông Nguyễn Văn T là chồng của bà Lo có biết việc vợ ông (bà Lo) vay tiền của bà N và khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà Lo. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Kim Lo cùng có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà N là có cơ sở.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Lê Thanh N buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Kim Lo cùng có trách nhiệm trả cho bà Phạm Lê Thanh N số tiền 417.000.000 (Bốn trăm mười bảy triệu) đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Kim Lo và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận; Cụ thể, bà Lo và ông Thà phải chịu 20.680.000 (Hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Lê Thanh N số tiền tạm ứng án phí 10.340.000 (Mười triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033009 ngày 03/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Lê Thanh N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Phạm Kim Lo.

Buộc bà Phạm Kim Lo và ông Nguyễn Văn T cùng có trách nhiệm trả cho bà Phạm Lê Thanh N số tiền nợ vay là 417.000.000 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu đồng).

Các bên thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Phạm Lê Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Kim Lo và ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Kim Lo và ông Nguyễn Văn T phải chịu 20.680.000 (Hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Lê Thanh N số tiền tạm ứng án phí 10.340.000 (Mười triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033009 ngày 03/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Kim Định